

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2024**

**I. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  
HIỆN NAY VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NĂM 2023**

**1. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay**

Sở Y tế Hoà Bình, là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: Y tế dự phòng; khám chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định sức khỏe, Y dược cổ truyền; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; mỹ phẩm; an toàn vệ sinh thực phẩm; trang thiết bị y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình; bảo hiểm y tế, truyền thông - giáo dục sức khỏe, đào tạo nhân lực y tế. Hiện nay, Sở Y tế có 19 đơn vị trực thuộc; gồm 09 đơn vị tuyển tỉnh và 10 đơn vị tuyển huyện. Trong đó cơ cấu trình độ nhân lực cụ thể như sau:

\* Số lượng công chức: 61 người, trong đó:

- Tiến sĩ: 1
- Chuyên khoa II: 6
- Chuyên khoa I: 7
- Thạc sĩ: 24
- Đại học: 22
- Cao đẳng: 1

\* Số lượng viên chức: 3631 người, trong đó:

- Tiến sĩ: 5
- Chuyên khoa 2: 41
- Chuyên khoa 1: 127
- Thạc sĩ: 92
- Đại học: 1573
- Cao Đẳng: 624
- Trung cấp: 1151
- Trình độ nhân lực khác: 18

**2. Kết quả đào tạo năm 2023**

- Sau đại học: 63 người
  - Đại học: 13 người (Các chuyên ngành cử đi đào tạo gồm: Bác sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật viên, Dược, y tế công cộng...).
  - Cao đẳng: 201 người (Chuẩn hóa trình độ cao đẳng theo Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y và Dược và Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023).
  - Định hướng: 03 người
  - Bồi dưỡng:
  - + Trung cấp LLCT: 08 người
  - + QLNN Chuyên viên chính và tương đương: 12 người
  - + QLNN Chuyên viên và tương đương: 18 người
  - + Chuyên môn nghiệp vụ: 1712 lượt người.
- Các chỉ tiêu trên đều đạt và vượt theo kế hoạch.

## **II. CĂN CỨ THỰC HIỆN**

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên bộ Y tế, Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên bộ Y tế, Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 17/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2025; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 116/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 quy định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hòa Bình.

Công văn số 2236/SNV-CCHC, ngày 29/6/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024.

### **III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2024**

#### **1. Mục tiêu chung**

- Cần xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo, bồi phù hợp với tình hình thực tiễn; khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, thực hiện bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu kiến thức, kỹ năng chuyên ngành hàng năm.

- Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện trình độ lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo quản lý; bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học; bồi dưỡng kiến thức kỹ năng xử lý tình huống giải quyết công việc, kỹ năng giao tiếp ứng xử, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

- Việc lập dự toán kinh phí phải đúng quy định của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính, Nghị quyết số 116/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công trách nhiệm thực hiện cụ thể, rõ ràng

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

Căn cứ vào thực trạng trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức hiện có và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức cũng như đề xuất của các đơn vị trực thuộc nhằm từng bước chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị để từng bước đáp ứng dần với yêu cầu nhiệm vụ công tác của đơn vị, từ đó góp phần tích cực trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tỉnh.

Căn cứ vào công tác qui hoạch cán bộ, công chức, viên chức và đáp ứng được các tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và tiêu chuẩn đối

với các chức danh lãnh đạo, quản lý của các đơn vị. Sở Y tế xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước như sau:

### **2.1. Đối với khối quản lý nhà nước**

+ **Nhu cầu về đào tạo Lý luận chính trị:** **03 người**

- Đào tạo Cao cấp lý luận chính trị: 01 người

- Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị: 02 người

+ **Nhu cầu đào tạo chuyên môn đối với cán bộ, công chức:** **01 người**

- Đào tạo sau Đại học: 03 người

- Đào tạo Đại học: 0 người

+ **Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước:** **02 người**

- Chuyên viên chính: 02 người

- Chuyên viên: 0 người

+ **Nhu cầu về bồi dưỡng:** **12 người**

Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 12 lượt người

### **2.2. Đối với viên chức của đơn vị sự nghiệp**

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tỉnh, cụ thể là công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao về chất lượng trong năm 2024 và những năm tiếp theo; Do đó việc nâng cao chất lượng, cũng như số lượng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao là hết sức cần thiết. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho các viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập năm 2024 như sau:

#### **\* Tuyển tỉnh:**

+ **Nhu cầu về đào tạo Lý luận chính trị:**

- Đào tạo Cao cấp lý luận chính trị: 0 người

- Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị: 17 người

- Đào tạo Sơ cấp lý luận chính trị: 12 người

+ **Nhu cầu đào tạo chuyên môn đối với cán bộ, viên chức:**

- Đào tạo trên Đại học: 25 người

- Đào tạo Đại học: 03 người

- Đào tạo Cao đẳng: 0 người

+ **Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước:**

- Chuyên viên cao cấp: 0 người

- Chuyên viên chính: 0 người

- Chuyên viên: 05 người

+ Nhu cầu về bồi dưỡng:

- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 268 lượt người
- Bồi dưỡng về kỹ năng quản lý: 06 người
- Tiếng dân tộc: 10 người
- Chức danh nghề nghiệp: 12 người
- Quốc phòng an ninh: 15 người

**\* Tuyển huyện:**

+ Nhu cầu về đào tạo Lý luận chính trị:

- Đào tạo Cao cấp lý luận chính trị: 03 người
- Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị: 60 người

+ Nhu cầu đào tạo chuyên môn đối với công chức, viên chức:

- Đào tạo sau Đại học: 28 người
- Đào tạo Đại học: 109 người
- Đào tạo Cao đẳng: 0 người

+ Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước:

- Chuyên viên chính: 0 người
- Chuyên viên: 10 người

+ Nhu cầu về bồi dưỡng:

- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 266 lượt người
- Bồi dưỡng về kỹ năng quản lý: 05 người
- Tiếng dân tộc: 27 người
- Chức danh nghề nghiệp: 09 người
- Tin học: 24 người
- Quốc phòng an ninh: 54 người

#### **IV. GIẢI PHÁP (BIỆN PHÁP) THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NĂM 2024**

**1. Bước 1:** Trên cơ sở các văn bản quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của từng cán bộ, công chức, viên chức, từng vị trí việc làm để làm cơ sở xây dựng kế hoạch sát với thực tế tại cơ quan, đơn vị.

**2. Bước 2:** Tổng hợp nhu cầu, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (những điểm mạnh, những mặt còn hạn chế) để từ đó xác định mục tiêu, chỉ tiêu để đào tạo, bồi dưỡng.

**3. Bước 3:** Xác định rõ đối tượng; nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng; số lớp, số học viên; hình thức, thời gian, địa điểm đào tạo, bồi dưỡng; cơ sở đào tạo, giảng viên; dự toán chi tiết kinh phí mở lớp.

**4. Bước 4:** Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo các nội dung sau:

- Nội dung 1: Đăng ký số lượng đào tạo, bồi dưỡng trong nước, nước ngoài

Đào tạo, bồi dưỡng: Về lý luận chính trị, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện, cấp xã, cấp phòng, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng chuyên ngành, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, ngoại ngữ, tiếng dân tộc; Tiến sĩ, thạc sĩ, đại học (Thực hiện theo 08 biểu đính kèm Kế hoạch này).

- Nội dung 2: Về nhu cầu mở lớp

Các cơ quan, đơn vị có đề xuất mở lớp bồi dưỡng từ nguồn ngân sách của tỉnh cần xác định rõ đối tượng, nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng, số lớp, số học viên, hình thức, thời gian, địa điểm bồi dưỡng, cơ sở đào tạo bồi dưỡng, giảng viên, dự toán chi tiết kinh phí mở lớp. Đối với các Chương trình, Đề án, các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đề nghị các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí thực hiện trong năm 2024 để tổng hợp.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí do cơ quan, đơn vị hỗ trợ;

- Kinh phí do nguồn ngân sách của tỉnh hỗ trợ (Nghị quyết HĐND tỉnh);

- Kinh phí do cá nhân tự túc hoặc nguồn dự án, xã hội hoá;

- Kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 585/QĐ-BYT ngày 20/02/2023 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Dự án “Thí điểm đưa Bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (ưu tiên 62 huyện nghèo)”; Quyết định số 4919/QĐ-BYT ngày 14/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 585/QĐ-BYT ngày 20/02/2013;

- Kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 2415/QĐ-BYT ngày 05/9/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 đã gửi Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Y tế xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 theo các nội dung, chỉ tiêu nêu trên, là cơ sở cho việc xem xét quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và là cơ sở cho quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ trí thức phục vụ công tác lâu dài tại địa phương./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- GD, các PGD Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Thu Hằng**

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NĂM 2024**  
(Kèm theo Kế hoạch số 2584/SYT-TCHC ngày 28/8/2023 của Sở Y tế tỉnh Hoà Bình)

Đơn vị tính: lượt người

[illegible]

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

BmV

Nguyễn Thị Mỹ Bình

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)

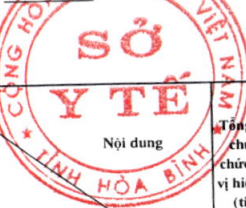


Bà: Thị Hằng

**Bùi Thu Hằng**

**Lưu ý:** - Đăng ký theo nhóm đối tượng số 1 trước, nếu không thuộc đối tượng nhóm 1 mới đăng ký xuống nhóm 2. Ví dụ: Đối tượng vừa là Trưởng phòng, vừa là Chuyên viên chính, đăng ký đi học Cao cấp lý luận chính trị thì chỉ thống kê vào đối tượng Lãnh đạo cấp phòng, nguyên tắc này được áp dụng đối với tất cả các biểu mẫu.

- Đối với cột 4, 5, 6 đề nghị đăng ký cho tất cả các nhóm đối tượng



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC TRONG NƯỚC NĂM 2024  
(Kèm theo Kế hoạch số 2584/SYT-TCHC ngày 28/8/2023 của Sở Y tế tỉnh Hoà Bình)

BM - 02/ĐT

Đơn vị tính: lượt người

| TT | <div><div><div><div><div></div><div>Y T E</div><div></div></div><div><div></div><div>Nội dung</div><div></div></div><div><div></div><div>Đội tượng</div><div></div></div></div></div></div> |                          | Tổng số công chức, viên chức các đơn vị hiện có mặt (tính đến ngày 31/7/2020) | Trong đó: |   | Lý luận chính trị                           |                              |         |           | Quản lý nhà nước |           |                     |                   | Chuyên môn  |                                |         |         |         |          | Chức danh nghề nghiệp |        |        |         | Chức vụ quản lý |         | Bồi dưỡng bắt buộc cấp nhật KT | Quốc phòng - An ninh | Ngoại ngữ | Tin học | Tiếng dân tộc | Tổng số | Trong đó  |        |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---|---------------------------------------------|------------------------------|---------|-----------|------------------|-----------|---------------------|-------------------|-------------|--------------------------------|---------|---------|---------|----------|-----------------------|--------|--------|---------|-----------------|---------|--------------------------------|----------------------|-----------|---------|---------------|---------|-----------|--------|
|    |                                                                                                                                                                                             |                          |                                                                               |           |   | Tổng số viên chức là người dân tộc thiểu số | Tổng số viên chức nữ hiện có | Cao cấp | Trung cấp | Sơ cấp           | Bồi dưỡng | Chuyên viên cao cấp | Chuyên viên chính | Chuyên viên | Chuyên ngành khác (ghi cụ thể) | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp             | Sơ cấp | Hạng I | Hạng II | Hạng III        | Hạng IV |                                |                      |           |         |               |         | Cấp phòng | Cấp sở |
|    |                                                                                                                                                                                             |                          |                                                                               | 1         | 2 | 3                                           | 4                            | 5       | 6         | 7                | 8         | 9                   | 10                | 11          | 12                             | 13      | 14      | 15      | 16       | 17                    | 18     | 19     | 20      | 21              | 22      | 23                             | 24                   | 25        | 26      | 27            | 28      | 29        | 30     |
|    | Tổng cộng:                                                                                                                                                                                  |                          | 0                                                                             | 0         | 0 | 0                                           | 17                           | 13      | 0         | 0                | 0         | 5                   | 0                 | 0           | 25                             | 3       | 0       | 0       | 0        | 0                     | 12     | 0      | 0       | 6               | 0       | 268                            | 15                   | 0         | 0       | 0             | 0       | 0         | 0      |
| 1  | Viên chức quản lý                                                                                                                                                                           | Cấp sở và tương đương    |                                                                               |           |   |                                             |                              |         |           |                  |           |                     |                   |             |                                |         |         |         |          |                       |        |        |         |                 |         |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
|    |                                                                                                                                                                                             | Cấp phòng và tương đương |                                                                               |           |   |                                             | 1                            |         |           |                  |           |                     |                   |             |                                |         |         |         |          |                       |        |        |         |                 |         |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
| 2  | Viên chức hành chính                                                                                                                                                                        | Hạng I                   |                                                                               |           |   |                                             |                              |         |           |                  |           |                     |                   |             |                                |         |         |         |          |                       |        |        |         |                 |         |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
|    |                                                                                                                                                                                             | Hạng II                  |                                                                               |           |   |                                             |                              |         |           |                  |           |                     |                   |             |                                |         |         |         |          |                       |        |        |         |                 |         |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
|    |                                                                                                                                                                                             | Hạng III                 |                                                                               |           |   |                                             | 7                            | 5       |           |                  |           | 2                   |                   |             | 3                              |         |         |         |          | 5                     |        | 2      |         | 23              | 6       |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
|    |                                                                                                                                                                                             | Hạng IV                  |                                                                               |           |   |                                             |                              |         |           |                  |           |                     |                   |             |                                |         |         |         |          |                       |        |        |         | 41              |         |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
| 3  | Viên chức chuyên môn                                                                                                                                                                        | Hạng I                   |                                                                               |           |   |                                             |                              |         |           |                  |           |                     |                   |             |                                |         |         |         |          |                       |        |        |         |                 |         |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
|    |                                                                                                                                                                                             | Hạng II                  |                                                                               |           |   |                                             | 3                            | 3       |           |                  |           |                     |                   |             | 4                              |         |         |         |          | 3                     |        |        |         | 47              | 2       |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
|    |                                                                                                                                                                                             | Hạng III                 |                                                                               |           |   |                                             | 6                            | 5       |           |                  |           | 3                   |                   |             | 18                             | 3       |         |         |          | 4                     |        | 4      |         | 157             | 7       |                                |                      |           |         |               |         |           |        |
|    |                                                                                                                                                                                             | Hạng IV                  |                                                                               |           |   |                                             |                              |         |           |                  |           |                     |                   |             |                                |         |         |         |          |                       |        |        |         |                 |         |                                |                      |           |         |               |         |           |        |

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Mỹ Bình

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký tên, đóng dấu)

Bùi Thu Hằng